

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 18/9/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Phương

2. Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TB-TLST ngày 28/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh B, sinh năm 1994

Nơi thường trú: Xóm N, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh)

2. Bị đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1995

Nơi thường trú: Xóm N, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh)

Hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vi Văn T1, sinh năm 1967 và bà Hứa Thị L, sinh năm 1973, cùng địa chỉ: Bản L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh)

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trịnh B trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013, anh và chị Vi Thị T được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc tại Xóm C, xã Đ, huyện T, Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng chung sống đến năm 2016 cùng nhau đi lao động xuất khẩu bên Đài Loan. Đến năm 2018 anh về Việt Nam làm việc, còn vợ tiếp tục ở lại Đài Loan. Kể từ đó trở đi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau về tình cảm, không đồng thuận với nhau về kinh tế, bất đồng về nhiều mặt trong cuộc sống, đỉnh điểm đến khoảng năm 2019 phát sinh nhiều lần cãi vã, chị T cắt đứt liên lạc với anh. Từ năm 2019 đến nay thì anh chị mất liên lạc với nhau hoàn toàn. Vợ chồng chính thức sống ly thân, ai có cuộc sống riêng của người đó, không còn liên lạc, không quan tâm, hỏi thăm nhau. Gia đình hai bên có tác động, hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013. Hiện con chung đang ở cùng ông bà ngoại là ông Vi Văn T1 và bà Hứa Thị L tại Bản làng Ba, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Khi vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng con chung 1500.000đ/01 cháu/01 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh đi làm công nhân tại Công ty TNHH D, khu công nghiệp D, thu nhập hàng tháng khoảng 8-9 triệu đồng.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Anh và chị Vi Thị Thùy T4 thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị T.

Bị đơn chị Vi Thị T hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị T. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của chị T là bà Hứa Thị L: Bà là mẹ đẻ của chị Vi Thị T. Chị T hiện nay không có mặt tại địa phương, chị T hiện đang làm việc tại nước ngoài, vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại. Về địa chỉ của chị T ở nước ngoài thì bà không được biết nên không cung cấp cho Tòa án án được. Anh B có đơn xin ly hôn với chị T thì quan điểm của chị T là khi đồng ý ly hôn với anh B. Chị T và anh B có 02 con chung là cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày

10/09/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng vợ chồng bà. Ly hôn chị T đồng ý nhận nuôi dưỡng con chung và và đồng ý mức cấp dưỡng anh B đề nghị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị L trình bày: Bà là bà ngoại của cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013. Kể từ khi chị T đi lao động ở nước ngoài thì các cháu vẫn ở với bà. Bà đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và bà đồng ý nhận nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T2, cháu T3 trong thời gian chị T ở nước ngoài. Anh B đề nghị cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn T1 không có ý kiến, quan điểm cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị L xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn T1 vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, điều 104 và khoản 2 điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Bách . Xử: Anh Trịnh B được ly hôn chị Vi Thị T.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013 cho chị Vi Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Trịnh Thế T2, Trịnh Thế T3 cho bà Hứa Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị Vi Thị Thùy T5 ở nước ngoài. Anh Trịnh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1500.000đồng/ 01 con/ 01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – anh Trịnh B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Hứa Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn – chị Vi Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Vi Văn T1 được Toà án triệu tập 2 lần nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về thẩm quyền: Anh Trịnh B là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Vi Thị T, chị T hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 1179/QLXNC v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 02/5/2025 của Phòng Q công an tỉnh B), thì chị T có lần xuất cảnh gần nhất là ngày 27/11/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Anh Trịnh B và chị Vi Thị T có đăng ký kết hôn UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) năm 2013, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn chị T. Xem xét đơn khởi kiện của anh B. Hội đồng xét xử thấy anh B xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống anh và chị T đã không còn liên lạc gì với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B. Xử cho anh B được ly hôn chị T.

[4]. Về con chung: Anh Trịnh B và chị Vi Thị T có 02 con chung là cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị T và ông bà ngoại. Ly hôn anh B đề nghị giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, trong thời gian chị T ở nước ngoài thì giao các cháu cho bà Hứa Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị cấp dưỡng mỗi con chung 1500.000đồng / tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Xét yêu cầu khởi kiện của anh B về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: từ khi chị T đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu T2 và cháu T3 vẫn ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị T) cháu được ông bà chăm sóc phát triển bình thường, chị T vẫn thường xuyên gọi điện, hỏi thăm các cháu. Do đó cần giao cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013

cho chị Vi Thị T nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh B về con chung. Giao con chung là cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013 cho chị Vi Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên hiện nay chị Vi Thị T đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cháu T2, cháu T3 cho bà Hứa Thị L chăm sóc cháu trong thời gian chị T ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1500.000đồng / 01 cháu/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn anh Trịnh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Trịnh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trịnh B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trịnh B được ly hôn với chị Vi Thị T

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015

và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao Trịnh Thế T2, sinh ngày 01/03/2015 và Trịnh Thế T3, sinh ngày 10/09/2013 cho bà Hứa Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu trong thời gian chị Vi Thị T ở nước ngoài.

Anh Trịnh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1500.000đồng / 01 cháu/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

3.Về án phí:

Anh Trịnh B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ đi số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005703 ngày 25/04/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân tỉnh Bắc Ninh).

4.Về quyền kháng cáo bản án:

Bị đơn hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC
- Công thông tin điện tử TANDTC
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thông

